

Bản án số: 398/2020/HS-PT

Ngày: 31-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Kim Oanh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 296/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Phan Thị Thu D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2020/HS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo: Phan Thị Thu D, sinh năm: 1985, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: thợ làm tóc; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn Đ, sinh năm: 1939 (chết) và bà Lê Thị T, sinh năm: 1941; Chồng: Trương Đình K, sinh năm: 1984 (đã ly hôn); Có 02 con, sinh năm 2007 và sinh năm 2014; Anh chị em có 08 người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: ngày 15/01/2020 đến ngày 22/01/2020; Tạm giam: Không; Bị cáo đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 65 ngày 22/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Thu D theo yêu cầu là luật sư Nguyễn Văn Dũ - Văn phòng luật sư Chí Công thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Hồ Thanh T1, sinh năm: 1978 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Hồ Ngọc H, sinh năm: 1997 (Vắng mặt);

2. Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm: 1994 (Vắng mặt);

3. Nguyễn Thị A, sinh năm: 1998 (Vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Pha Ry G, sinh năm: 2002 (Vắng mặt);
5. Nguyễn Thành L, sinh năm: 1999 (Vắng mặt);
6. Đặng Vũ L, sinh năm: 1993 (Vắng mặt);
7. Huỳnh Võ Công M, sinh năm: 1997 (Vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
8. Nguyễn Văn Tú A1, sinh năm: 1988 (Vắng mặt);
9. Nguyễn Trung N, sinh năm: 1988 (Vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
10. Lê Văn T2, sinh năm: 1992 (Vắng mặt);
11. Mai Văn T3, sinh năm: 1995 (Vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
12. Huỳnh Văn T4, sinh năm: 1998 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
13. Phạm Hoàng N1, sinh năm: 1991 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 15/01/2020, Lê Văn T2, Hồ Ngọc H và Phạm Hoàng N1 uống cà phê tại quán Hương Quê, thuộc xã T thì rủ nhau hùn tiền mua ma túy về sử dụng. Lúc này, N1 hùn 50.000 đồng, H hùn 50.000 đồng, T2 hùn 100.000 đồng, tổng số tiền là 200.000 đồng (04 tờ mệnh giá 50.000đ) do T2 cất giữ.

Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở N1 và T2 đến nhà của Phan Thị Thu D thuộc ấp T, xã A để mua ma túy. Khi đến trước Cổng Đình A cách nhà D khoảng 08 mét, H dừng xe, N1 và H đứng đợi, T2 đi lại nhà D và kêu “*Chị hai ơi! Em mới lên*”. T2 thấy D đang ở trong nhà nhưng không trả lời nên T2 kêu lớn “*Chị hai ơi! Em mới lên*” thì D trả lời “*nghe rồi*” và chỉ T2 qua bên hông trái nhà theo hướng từ ngoài nhìn vào, N1 liền đi theo sau rồi T2 đưa tiền cho D và D đưa cho T2 một bọc ma túy đá. T2 cầm bọc ma túy đá trên tay đi ra và đưa cho N1 cất giữ vào trong túi quần phía trước bên trái thì bị Công an bắt quả tang. Công an thu giữ trên người N1 01 bọc nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số 01.

Kiểm tra xung quanh hiện trường phát hiện thu giữ: 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Hero bên trong có 01 bọc nylon màu trắng loại nắp kẹp bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số 03.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của D phát hiện, thu giữ: 02 bọc nylon màu trắng hàn kín trong đó 01 bọc nylon có chứa tinh thể rắn màu trắng và 01 bọc nylon có chứa nửa viên nén màu hồng nghi là ma túy cùng được niêm phong trong phong bì ghi niêm

phong số 04; tiền Việt Nam 2.940.000 đồng (trên người của D, trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 50.000đ) và một số tang vật khác có liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số: 54/KL-KTHS ngày 17/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

Tinh thể rắn chứa trong 01 bìch nylon màu trắng hàn kín, được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số 01 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,011 gam, loại Methamphetamine;

Tinh thể rắn chứa trong 01 bìch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu có viên màu xanh kẹp kín, được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số 03 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,298 gam, loại Methamphetamine;

Tinh thể rắn dính trong 01 bìch nylon màu trắng hàn kín không xác định được khối lượng do mẫu ít và mảnh viên nén (nửa viên) màu hồng chứa trong 01 bìch nylon màu trắng hàn kín có khối lượng 0,071 gam, được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số 04 nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra còn xác định Phan Thị Thu D nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Hồ Ngọc H, Lê Văn T2, cụ thể như sau:

1. D bán ma túy cho Hồ Ngọc H: Khoảng tháng 01/2020, D bán ma túy cho H mua về sử dụng được 02 lần, mỗi lần mua một bìch ma túy với giá 200.000 đồng. Trong đó, lần đầu vào khoảng đầu tháng 01/2020, H trực tiếp đến gặp D để mua ma túy với giá 200.000đ, D giao ma túy ngay trước cửa nhà của D. Lần hai vào khoảng 15 giờ ngày 14/01/2020, H và Mai Văn T3 mỗi người hùn 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, H điều khiển xe chở T3 đến nhà D, T3 đứng đợi ngoài xe, H đi vào nhà gặp D mua một bìch ma túy đá giá 200.000 đồng, rồi mang ma túy về cùng sử dụng. Tại Cơ quan điều tra, T3 cũng khai nhận vào thời gian trên T3 và H hùn mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng rồi H chở T3 đến nhà D, T3 đứng ngoài xe đợi, H đi vào trong nhà mua không rõ ai bán, rồi mang về cùng sử dụng.

2. Duyên bán ma túy cho Lê Văn T2: Khoảng thời gian từ tháng 12/2019, D bán ma túy cho Lê Văn T2 về sử dụng được 02 lần, mỗi lần một bìch với giá 200.000 đồng. Trong đó: Lần đầu vào khoảng 13 giờ 20 phút ngày 12/01/2020, T2 và Mai Văn T3 rủ nhau hùn tiền mua ma túy về sử dụng, T2 hùn 130.000 đồng và T3 hùn 50.000 đồng. Sau đó, T2 điều khiển xe chở T3 đến nhà bị cáo D, T3 đứng đợi ngoài xe, T2 đi vào nhà thì gặp bị cáo D nên T2 mua một bìch ma túy đá giá 180.000 đồng, rồi mang ma túy về sử dụng cùng với T3. Tại Cơ quan điều tra, T3 cũng khai nhận vào thời gian trên T3 hùn 50.000 đồng và T2 hùn 130.000 đồng để mua ma túy về sử dụng rồi T2 chở T3 đến nhà D, T3 đứng ngoài xe đợi, T2 đi vào trong nhà mua ma túy không rõ ai bán, rồi mang về sử dụng.

Lần thứ hai: Vào ngày 14/01/2020, T2 hùn 40.000 đồng và Huỳnh Văn T4 hùn 80.000 đồng, để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, T2 cùng T4 đến nhà D, T2 trực tiếp gặp D mua một bìch ma túy với giá 200.000 đồng, T2 đưa cho D 120.000 đồng, còn nợ lại 80.000 đồng rồi T2 mang ma túy về sử dụng cùng với T4. Tại Cơ quan điều tra, T4 cũng khai nhận vào thời gian trên T4 hùn 80.000 đồng và T2 hùn 40.000 đồng để mua

ma túy về sử dụng rồi T2 chở T4 đến nhà D, T4 đứng ngoài xe đợi, T2 đi vào trong nhà mua ma túy không rõ ai bán, rồi mang về sử dụng.

Như vậy, Phan Thị Thu D đã bán ma túy đá cho Hồ Ngọc H, Lê Văn T2 là 04 lần và 01 lần T2, H, N1 bị bắt quả tang ngày 15/01/2020 nêu trên, tổng cộng là 05 lần.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định D bán trái phép chất ma túy cho nhiều người khác như:

1. Nguyễn Thành L khai nhận nhiều lần mua ma túy của D trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, Lợi còn khai nhận đã mua ma túy do Hồ Thanh T1 (chồng của D) bán để đem về sử dụng được nhiều lần, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019, cụ thể không nhớ rõ.

2. Nguyễn Văn Tú A1 khai nhận đã mua ma túy do D bán để đem về sử dụng được 03 lần trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, A1 còn mua ma túy do T1 bán để đem về sử dụng được 05 lần, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng, trong khoảng thời gian từ năm 2018, cụ thể không nhớ rõ.

3. Pha Ry G, khai nhận đã mua ma túy do D bán để đem về sử dụng được 03 lần trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng.

4. Nguyễn Trung N đã mua ma túy do D bán để đem về sử dụng được 03 lần trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 100.000 đồng.

5. Phan Thị Thúy H1 khai nhận đã mua ma túy do D bán để đem về sử dụng được khoảng 03 đến 04 lần trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, H1 còn khai nhận mua ma túy do T1 (chồng của D) bán để đem về sử dụng, mỗi lần mua một bịch ma túy với giá 200.000 đồng đến 500.000 đồng trong khoảng thời gian từ năm 2018, cụ thể không nhớ rõ.

Tất cả các lời khai của người làm chứng đều khai mua ma túy từ D nhưng Duyên không thừa nhận hành vi bán ma túy cho những người nêu trên.

Vật chứng thu giữ chờ xử lý: 01 phong bì được niêm phong, ghi niêm phong số 44/1, ngày 15/01/2020, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Thắng E, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thống N2, Phạm Hoàng N1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 phong bì được niêm phong, ghi niêm phong số 44/3, ngày 15/01/2020, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Thắng E Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thống N2, Hồ Thanh T1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 phong bì được niêm phong, ghi niêm phong số 44/4, ngày 15/01/2020, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Thắng E, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thống N2, Phan Thị Thu D và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để hút ma túy bằng mũ màu trắng có nắp màu đỏ; 03 đoạn ống hút cắt nhọn một đầu trong đó

có 01 đoạn màu xanh sọc trắng, 01 đoạn màu cam, 01 đoạn màu xanh; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 15 bịch nylon màu trắng hàn kín, không có chứa vật gì; 01 ví màu tím; Thu giữ của D số tiền 2.940.000 đồng, được niêm phong bì ghi niêm phong số 02, ngày 15/01/2020, có chữ ký ghi họ tên Phan Thị Thu D, Lê Văn E1, Nguyễn Hồng C và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Tháp.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Hồ Thanh T1, ngoài lời khai Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Tú A1, Phan Thị Thúy H1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có nguồn chứng cứ khác chứng minh T1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,298 gam, ngoài lời khai của D cho rằng số ma túy này là của T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có nguồn chứng cứ khác chứng minh T1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng trên. Đồng thời, T1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,071 gam loại Methamphetamine, do dưới mức định lượng xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tách hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Hoàng N1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, có khối lượng 0,011 gam, loại Methamphetamine, do dưới mức định lượng xử lý hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tách hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn T2, Hồ Ngọc H, Nguyễn Thành L, Pha Ry G, Nguyễn Trung N, Mai Văn T3, Huỳnh Văn T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tách hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Thu D đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Thị Thu D 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 22/01/2020.

3. Về phạt tiền: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, buộc bị cáo D nộp phạt số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, bị cáo Phan Thị Thu D có đơn kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Phan Thị Thu D bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn

cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo D, giữ y phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm không đồng ý với án sơ thẩm cũng như lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Vị luật sư cho rằng: Bị cáo không có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cũng không sử dụng và nghiện ma túy. Việc bắt bị cáo chỉ dựa vào lời khai của T2, N1 và H chứ không bắt quả tang bị cáo. Số ma túy thu giữ trên người N1 không phải là ma túy của bị cáo; Cơ quan điều tra không thực hiện giám định dấu vân tay của bị cáo có trên túi ma túy thu giữ trên người N1 hay không; chưa thực hiện giám định dấu vân tay của T2, N1, H có trên 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thu giữ của bị cáo mà kết luận ma túy mua từ bị cáo và số tiền nêu trên dùng để mua bán ma túy với bị cáo là không hợp lý. Số ma túy khám xét tại nhà là của T1 và những người bạn của T1 mang đến để sử dụng chứ không phải của D. Ngoài ra, Tòa án xử phạt bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy, phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên mà không có vật chứng nào chứng minh bị cáo mua bán chất ma túy gì, hàm lượng, trọng lượng bao nhiêu mà chỉ dựa vào lời khai của người làm chứng để buộc tội bị cáo là chưa thuyết phục. Cơ quan điều tra chưa lấy lời khai của anh Nguyễn Minh H2 vì lúc xảy ra sự việc, D đang nói chuyện với anh H2, M và T1. Từ những tình tiết có trong hồ sơ vụ án, qua các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, xét thấy chưa có đủ cơ sở xác định bị cáo D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên bị cáo D không phạm tội.

Bị cáo không tham gia tranh luận, không bào chữa bổ sung mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã rõ ràng và sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Thu D cho rằng bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà cho rằng bị cáo không có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cũng không sử dụng và

nghiện ma túy. Việc bắt bị cáo chỉ dựa vào lời khai của T2, N1 và H chứ không bắt quả tang bị cáo. Số ma túy thu giữ trên người N1 không phải là ma túy của bị cáo; Cơ quan điều tra không thực hiện giám định dấu vân tay của bị cáo có trên túi ma túy thu giữ trên người N1 hay không; chưa thực hiện giám định dấu vân tay của T2, N1, H có trên 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thu giữ của bị cáo mà kết luận ma túy mua từ bị cáo và số tiền nêu trên dùng để mua bán ma túy với bị cáo là không hợp lý. Ngoài ra, Tòa án xử phạt bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy, phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên mà không có vật chứng nào chứng minh bị cáo mua bán chất ma túy gì, hàm lượng, trọng lượng bao nhiêu mà chỉ dựa vào lời khai của người làm chứng để buộc tội bị cáo là chưa thuyết phục.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, khoảng 14 giờ ngày 15/01/2020, Lê Văn T2, Hồ Ngọc H và Phạm Hoàng N1 rủ nhau hùn tiền mua ma túy về sử dụng. Lúc này, N1 hùn 50.000 đồng, H hùn 50.000 đồng, T2 hùn 100.000 đồng, tổng số tiền là 200.000 đồng (04 tờ mệnh giá 50.000đ) do T2 cất giữ. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở N1 và T2 đến nhà của Phan Thị Thu D để mua ma túy. Khi đến cách nhà D khoảng 08 mét, H dừng xe, N1 và H đứng đợi, T2 đi lại nhà D và kêu “*Chị hai ơi! Em mới lên*”. T2 thấy D đang ở trong nhà nhưng không trả lời nên T2 kêu lớn “*Chị hai ơi! Em mới lên*” thì D trả lời “*nghe rồi*” và chỉ T2 qua bên hông trái nhà theo hướng từ ngoài nhìn vào, N1 liền đi theo sau rồi T2 đưa tiền cho D và D đưa cho T2 một bọc ma túy đá. T2 cầm bọc ma túy đá trên tay đi ra và đưa cho N1 cất giữ vào trong túi quần phía trước bên trái thì bị Công an bắt quả tang. Ngoài ra, D còn bán ma túy đá cho Hồ Ngọc H 02 lần, Lê Văn T2 02 lần. Trong 02 lần mua ma túy của D, chỉ có 01 lần là H đi mua một mình, lần còn lại là H và Mai Văn T3 hùn tiền rồi cùng nhau đến nhà D để mua ma túy về sử dụng. Cả 02 lần T2 mua ma túy của D thì 01 lần T2 cùng Mai Văn T3 hùn tiền và 01 lần T2 cùng Huỳnh Văn T4 hùn tiền và cùng nhau đến nhà D để mua ma túy về sử dụng. Ngoài lần vừa nêu, từ khoảng tháng 10/2019 đến ngày 14/01/2020, D còn nhiều lần bán trái phép chất ma túy đá loại Methamphetamine cho nhiều đối tượng như Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Tú A1, Pha Ry G, Nguyễn Trung N, Phan Thị Thúy H2. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 15h, ngày 15/01/2020, bản kết luận giám định số: 54/KL-KTHS ngày 17/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, các biên bản nhận dạng ngày 18/01/2020, 21/01/2020 của Phạm Hoàng N1, Nguyễn Trung N, Nguyễn Thị Thúy H1, Pha Ry G, Nguyễn Văn Tú A1 xác định Phan Thị Thu D là người trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng này cũng như các biên bản đối chất ngày 18/01/2020 giữa Hồ Ngọc H, Lê Văn T2, Nguyễn Văn Tú A1, Nguyễn Thành L đối với Phan Thị Thu D đều xác định D là người trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng này. Đặc biệt là lời khai của người làm chứng Huỳnh Võ Công M ở tờ tự khai ngày 21/01/2020, các biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2020, ngày 20/02/2020. Trong khi những người làm chứng này đều xác định giữa họ và bị cáo không có xích mích hay mâu thuẫn gì với nhau, cho nên lời khai của Lê Văn T2, Hồ Ngọc H, Phạm Hoàng N1, Mai Văn T3, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Tú A1, Pha Ry G, Nguyễn Trung N và Phan Thị Thúy H2, Huỳnh Võ Công M là có căn cứ, là khách quan, trung thực, phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm, đặc điểm

nhận dạng về người bán ma túy. Mặt khác, những người làm chứng đều là người nghiện ma túy nên có nhu cầu mua ma túy về sử dụng.

Với các chứng cứ nêu trên, đủ căn cứ chứng minh chính bị cáo Phan Thị Thu D đã nhiều lần thực hiện hành vi bán ma túy đá loại Methamphetamine cho các con nghiện; trong đó, bán cho Hồ Ngọc H 02 lần, bán cho Lê Văn T2 02 lần và lần bắt quả tang H, T2, N1 hùn tiền mua vào ngày 15/01/2020. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phan Thị Thu D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo bị cáo Phan Thị Thu D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai gì cho bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chứng minh hành vi của bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Duyên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của vị luật sư cho bị cáo D là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Phan Thị Thu D. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Thu D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thu D 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 22/01/2020.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo D nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo Phan Thị Thu D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC - (Vụ GD-KT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện T (03 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**